**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**Tuần** :…5……**Từ ngày** 7 **đến ngày** 11/ 10 / 2024

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ | Ngày | Môn | Số tiết chương trình | Tên bài dạy |
| **2** | SÁNG CHIỀU | HĐTN | 13 | Phát động phong trào Tìm kiếm tài năng nhí |
| TV | 49 | Ng, ngh |
| TV | 50 | Ng, ngh (tt) |
| Đ Đ | 5 | Học tập , sinh hoạt đúng giờ |
| GDTC | 9 | ĐT quay trái, quay phải – TC: Đi qua đường lội |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **3** | SÁNG CHIỀU | AN | 5 | Ôn tập bài hát: Lí cây xanh- Nghe nhạc- Đọc nhạc |
| TV | 51 | P, ph |
| TV | 52 | P, ph (tt) |
| T | 13 | Em ôn lại những gì đã học |
| TV | 53 | Tập viết ng, ngh, p, ph |
| TN&XH | 9 | Ôn tập và đánh giá chủ đề gia đình |
| HĐTN | 14 | Ai cũng có điểm đáng yêu |
| **4** | SÁNG CHIỀU | TV | 54 | Qu, r |
| TV | 55 | Qu, r (tt) |
| T | 14 | Em ôn lại những gì đã học (tt) |
| TN&XH | 10 | Ôn tập và đánh giá chủ đề gia đình (tt) |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **5** | SÁNG CHIỀU | MT | 5 | Chơi với chấm |
| TV | 56 | S, x |
| TV | 57 | S, x (tt) |
| TV | 58 | Tập viết qu, r, s, x |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **6** | SÁNG CHIỀU | TV | 59 | Kể chuyện : Kiến và bồ câu |
| TV | 60 | Ôn tập |
| T | 15 | Em vui học toán |
| GDTC | 10 | Ôn ĐT quay trái, quay phải – TC: Đi qua đường lội |
| HĐTN | 15 | SHL: Trình diễn tài năng của em  HĐNGLL:Lễ giao ước thi đua giữa các tổ, cá nhân |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**TUẦN**

PTT Ngày 2 tháng 10 .năm 2023

**TUẦN 5: AI CŨNG CÓ ĐIỂM ĐÁNG YÊU**

**Thứ Hai ngày 7 tháng 10 năm 2024**

**Hoạt động trải nghiệm: Tiết 1 SINH HOẠT DƯỚI CỜ**

**PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO TÌM KIẾM TÀI NĂNG NHÍ**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**:

Sau hoạt động, HS có khả năng:  
- Biết được nội dung phong trào “Tìm kiếm tài năng nhí” đối với HS lớp 1***.***- Sẵn sàng tham gia phong trào “Tìm kiếm tài năng nhí”  
II. CHUẨN BỊ:- Ghế, mũ cho HS khi sinh hoạt dưới cờ

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **. HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **5’**  **20’**  **7’** | **1/Hoạt động mở đầu**  **a.Khởi động**  - Nhà trường tổ chức lễ sinh hoạt dưới cờ đầu tiên của năm học mới:  + Ổn định tổ chức  + Chỉnh đốn hàng ngũ, trang phục  + Đứng nghiêm trang.  + Thực hiện nghi lễ: chào cờ, hát Quốc ca.  + Tuyên bố lí do, giới thiệu đại biểu, chương trình của tiết chào cờ  + Nhận xét và phát động các phong trào thi đua của trường  **b. Giới thiệu bài:**  GV giới thiệu và nhấn mạnh cho HS lớp 1 và toàn trường về tiết chào cờ đầu tuần:  + Thời gian của tiết chào cờ : là hoạt động sinh hoạt tập thể được thực hiện thường xuyên vào đầu tuần. + Ý nghĩa của tiết chào cờ : giáo dục tình yêu tổ quốc, củng cố và nâng cao kiến thức, rèn luyện kĩ năng sống, gắn bó với trường lớp, phát huy những gương sáng trong học tập và rèn luyện, nâng cao tinh thần hiếu học, tính tích cực hoạt động của học sinh. + Một số hoạt động của tiết chào cờ: \* Thực hiện nghi lễ chào cờ \* Nhận xét thi đua của các lớp trong tuần \* Tổ chức một số hoạt động trải nghiệm cho học sinh. \* Góp phần giáo dục một số nội dung : An toàn giao thông, bảo vệ môi trường, kĩ năng sống, giá trị sống.  **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **HĐ 1**: **Một số hoạt động trong tiết chào cờ:**  \* Thực hiện nghi lễ chào cờ \* Nhận xét thi đua của các lớp trong tuần \* Tổ chức một số hoạt động trải nghiệm cho học sinh. \* Góp phần giáo dục một số nội dung : An toàn giao thông, bảo vệ môi trường, kĩ năng sống, giá trị sống  Nhà trường triển khai một số nội dung phát động phong trào “An toàn trường học”, trong đó có thể thực hiện một chủ đề có liên quan đến việc đảm bảo an toàn ở trường như “Cổng trường an toàn giao thông” (có thể mời một cảnh sát giao thông hướng dẫn cho HS). - Giới thiệu cho HS biết ý nghĩa của việc tham gia thực hiện “Cổng trường an toàn giao thông”: đảm bảo an toàn cho HS, xây dựng nhà trường văn minh, tránh gây ùn tắc ở cổng trường. - Tuyên truyền và nhắc nhở HS một số lưu ý khi tham gia giao thông để xây dựng “Cổng trường an toàn giao thông”: xếp hàng ngay ngắn từng lớp khi ra về; để xe đúng quy định theo hàng, lối; đội mũ bảo hiểm khi ngồi sau xe mô tô, xe máy điện, xe đạp điện, nhắc nhở bố mẹ, người thân đứng đón xếp hàng theo khu vực quy định, không dừng, đỗ xe ở ngay gần cổng trường để chờ đón HS.)  **3/Hoạt động nối tiếp**  Nhận xét  -Tuyên dương  -Nhắc nhở | -Lắng nghe thực hiện  -Chú ý lắng nghe  -Lắng nghe thực hiện  -Chú ý lắng nghe thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

Tiếng Việt – Tiết 49, 50 Bài 22: ng ngh

(2 tiết)

**I/ YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

* Nhận biết âm và chữ **ng, ngh;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **ng, ngh.**
* Nhìn hình, phát âm và tự phát hiện tiếng có **ng, ngh.**
* Nắm được quy tắc chính tả: **ngh + e, ê, i / ng + a, o, ô, ơ,...**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Bi nghỉ hè.*
* Viết đúng trên bảng con các chữ **ng, ngh,** tiếng **ngà, nghé.**

\* GDĐP: Chủ đề 2: Cảnh đẹp quê hương em. Biết giới thiệu một số nhà nghỉ, nơi nghỉ dưỡng ở Phú Yên.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1/ GV: SGK, bài giảng.

2/ sgk, vở , bảng con.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| **5’** | 1/ **Hoạt động mở đầu.** |  |
|  | **\* Khởi động:**  **-** Ổn định lớp. Cho HS hát | - HS hát. |
|  | **\* Giới thiệu bài:** âm **ngờ** và các chữ **ng, ngh.**   * GV (chỉ chữ **ng):** Đây là chữ **ng** (tạm gọi là *ngờ đơn)* ghi âm **ngờ.** GV nói: **ngờ.** * **GV** (chỉ chừ **ngh):** Chữ **ngh** *(ngờ kép)* cũng ghi âm **ngờ. GV: ngờ.**   2/ **Hoạt động hình thành kiến thức mới.** | - HS nghe. |
| **20’** | **\* Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) |  |
|  | **Hoạt động 1: Âm và chữ ng**  - Gv giới thiệu: ngà voi.  - Tiếng **ngà** có âm **ngờ.**  **-**Phân tích: **ngờ, a,** dấu huyền = **ngà.**  - Đánh vần và đọc tron: **ngờ - a - nga - huyền - ngà / ngà.**  **Hoạt động 2: Âm và chữ ngh:**  Làm tương tự với tiếng **nghé** *(nghé* là con trâu con). / | - HS nghe.  - HS nghe.  -HS đánh vần, đọc trơn.  - HS thực hiện. |
| **10’** | **3/ Hoạt động luyện tập, thực hành:** |  |
| **30’** | **3.1/Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có chữ **ng?** Tiếng nào có chừ **ngh?)**  - GV nêu yêu cầu, hướng dẫn học sinh làm.  - GV chỉ âm, từ khoá vừa học, cả lớp đánh vần và đọc trơn: bí ngô, ngõ nhỏ, nghệ, ngã, nhà nghỉ.  - Cho HS làm bài.  - Gọi HS trả lời.  \* GDĐP:  - Nêu một số nhà nghỉ ở Phú Yên mà em biết.  - GV nhận xét, GDHS  **3.2/Quy tắc chính tả** (BT 3: Ghi nhớ)   * GV giới thiệu bảng quy tắc chính tả **ng / ngh;** hỏi: Khi nào âm **ngờ** được viết là *ngờkép?* (Khi đứng trước **e, ê, i,** âm **ngờ** được viết là **ngh -** *ngờ kép).* Khi nào âm **ngờ** được viết là *ngờ đơn?* (Khi đứng trước các âm khác **o, ô, ơ,...** âm **ngờ** được viết là ng - *ngờ đơn).*   **TIẾT 2**  **3.3.Tập đọc** (BT 4)   1. GV giới thiệu bài *Bi nghỉ hè:* Bài đọc kể chuyện Bi nghỉ hè ở nhà bà. 2. GV đọc mẫu. | - HS nghe.  - HS đánh vần, đọc.  - HS làm bài.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS nghe,  - HS nghe.  - HS nghe.  - HS nghe |
|  | c) Luyện đọc từ ngữ:  d) Luyện đọc câu   * GV: Bài đọc có 6 câu (GV đánh số TT từng câu). * GV chỉ từng câu. * Thi đọc đoạn, bài. (Chia bài làm 2 đoạn: mỗi đoạn 3 câu). Quy trình đã hướng dẫn.   e) Tìm hiểu bài đọc   * GV hướng dẫn HS làm bài. * YC HS làm bài.   - Gọi HS trả lời.  - GV nhận xét đưa ra đáp án đúng.  **3.4/ Tập viết** (bảng con - BT 5)  GV hướng dẫn viết   * Chữ **ng:** ghép từ hai chữ **n** và **g.** Viết **n** trước, **g** sau. * Chữ **ngh:** ghép từ 3 chữ **n, g** và **h.** Viết lần lượt: **n, g, h.** * Tiếng **ngà:** viết **ng** trước, **a** sau, dấu huyền đặt trên **a.** Chú ý nối nét **ng** và **a.** * Tiếng **nghé:** viết **ngh** trước, **e** sau, dấu sắc đặt trên **e.** Chú ý nối nét **ngh** và **e.**   - YC HS viết bảng.  - Gv nhận xét. | - HS đọc từ .  - HS đọc câu.  - HS luyện đọc.  - HS thi đọc.  - HS nghe.  - HS làm bài.  - HS trả lời.  - HS nghe, sửa bài.  - HS theo dõi.  - HS viết bảng.  - HS nghe. |
| **5’** | **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp**  **-** Cho HS đọc lại bài.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau.  - Nhận xét tiết học. | - HS đọc.  - HS nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**ĐẠO ĐỨC – Tiết 5 Học tập, sinh hoạt đúng giờ.**

**I/ YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Học xong bài học này, học sinh cần đạt:

- Nêu được một số biểu hiện và sinh hoạt đúng giờ.

- Giải thích được vì sao học tập, sinh hoạt đúng giờ.

- Thực hiện được các hành vi học tập và sinh hoạt đúng giờ.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1/ GV: Đồng hồ báo thức theo nhóm của HS.

2/ HS: Bộ giấy, keo, bút làm phiếu nhắc việc của HS.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
|  | **1/ Hoạt động mở đầu**  **a/ Khởi động:** |  |
|  | - Ổn định: GV cho HS hát. | - Hát |
|  | **b/ Giới thiệu bài:** |  |
|  | - Giới thiệu bài mới:  Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu bài : Học tập và sinh hoạt đúng giờ.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.** | + HS nghe và nhắc lại. |
|  | ***Hoạt động 1. Kể chuyện theo tranh.*** |  |
|  | - Gv giao nhiệm vụ cho HS: Xem và kể chuyện theo tranh.  - Gv kể lại câu chuyện. | - HS nhắc lại yêu cầu của bài  - Lắng nghe |
|  | - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  + Thỏ hay Rùa đến lớp đúng giờ?  + Vì sao bạn đến đúng giờ?  - Gv kết luận: Rùa đến lớp đúng giờ vì không la cà, chơi dọc đường đi học. | - HS trả lời  - HS nghe. |
|  | **Hoạt động 2:Tìm hiểu biểu hiện học tập, sinh hoạt đúng giờ.** |  |
|  | - GV cho HS xem tranh | - HS quan sát |
|  | - GV giao nhiệm vụ cho HS: Quan sát tranh và trả lới các câu hỏi sau:  1. Bạn trong mỗi tranh đang làm gì?  2. Việc làm lúc đó có phù hợp không?  - GV mời HS trả lời:  - GV dùng tranh và nêu nội dung  + H1: Tùng ngồi vẽ tranh trong giờ học Toán  + H2: Ngân đi ngủ lúc 9h tối  + H3:Chiến ngồi xem truyện tranh lúc 8h tối, Sau khi chuẩn bị sách vở cho ngày mai.  + H4: Đã 11h đêm Quân vẫn say mê xem ti vi.  - GV kết luận theo từng tranh:  + H1: Tùng ngồi vẽ tranh trong giờ học Toán. Không phù hợp  + H2: Ngân đi ngủ lúc 9h tối. Phù hợp. Vì đi ngủ đúng giờ đảm bảo sức khỏe.  + H3:Chiến ngồi xem truyện tranh lúc 8h tối, Sau khi chuẩn bị sách vở cho ngày mai.  + H4: Đã 11h đêm Quân vẫn say mê xem ti vi. Không phù hợp vì không đảm bảo sức khỏe.  ***\* GV kết luận :*** Các biểu hiện học tập và sinh hoạt đúng giờ là không làm việc riêng trong giờ học, giờ nào việc nấy, đến lớp đúng giờ, học tập, ăn ngủ, xem ti vi đúng giờ. | - HS trả lời câu hỏi.  - HS trả lời.  - HS theo dõi  - HS nghe.  - HS nghe. |
|  | **Hoạt động 3:** Tìm hiểu tác hại của việc học tập, sinh hoạt không đúng giờ. |  |
|  | - GV treo tranh. | - HS quan sát |
|  | - Gv giao nhiệm vụ cho Hs :Quan sát tranh và trả lời theo gợi ý:  - Điều gì xảy ra trong mỗi tranh?  - Không đúng giờ có tác hại gì?  - Gv gọi Hs trình bày trước lớp.  **- Gv kết luận:** Học tập và sinh hoạt không đúng giờ ảnh hưởng đến sức khỏe và kết quả học tập của bản thân, làm phiền người khác; làm giảm sự tôn trọng của người khác đối với mình. | - HS trả lời câu hỏi:  - HS theo dõi, nhắc lại. |
|  | **Hoạt động 4**: Tìm những cách giúp em làm việc đúng giờ. |  |
|  | - GV treo tranh | - HS quan sát |
|  | - Giáo viên giao nhiệm vụ cho Hs : Quan sát tranh và trả lời câu hỏi.  + Có những cách nào để thực hiện đúng giờ?  + Em đã sử dụng những việc nào để đúng giờ?  - GV yêu cầu một số nhóm trình bày trước lớp. | - HS trả lời. |
|  | \* Gv kết luận : Để thực hiện đúng giờ trong học tập và sinh hoạt, em có thể nhờ người lớn nhắc nhở, sử dụng chuông đồng hồ báo thức, làm phiếu nhắc việc. | - HS theo dõi, nhắc lại. |
|  | **3. Hoạt động luyện tập:** | |
|  | **Hoạt động 5**: Nhận xét hành vi. |  |
|  | - GV treo tranh lên bảng lớp. | - HS quan sát |
|  | |  |  | | --- | --- | |  |  | |  | | |  |
|  | - GV giao nhiệm vụ cho Hs quan sát tranh và nêu nội dung các bức tranh.  - Gv nêu lại nội dung bức tranh.  - Gv nêu nội dung câu hỏi:  + Bạn trong tranh đang làm gì?  + Em có tán thành việc đó hay không? Vì Sao?  - Một số nhóm trình bày kết quả thảo luận dưới hình thức đóng vai.  - GV nhận xét.  - Gv kết luận: Chúng ta luôn tán thành các việc học tập, sinh hoạt đúng giờ, không tán thành các việc học tập, sinh hoạt không đúng giờ. | **-** Hs quan sát tranh thảo luận và nêu nội dung các bức tranh.  **-** HS nghe.  - HS trình bày.  - HS nghe. |
|  | **Hoạt động 2**: **Tự liên hệ:** |  |
|  | - Gv giao nhiệm vụ chia sẻ trong nhóm đôi theo gợi ý sau:  + Bạn đã thực hiện được những việc làm nào đúng giờ?  + Những việc làm nào chưa đúng giờ?  - Gọi 1 số nhóm chia sẻ trước lớp.  - Gv khen học sinh thực hiện đúng giờ trong học tập, sinh hoạt, nhắc nhở cả lớp luôn thực hiện đúng giờ trong học tập và sinh hoạt. | - HS làm việc chia sẻ theo nhóm 4.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét nhóm bạn |
|  | **4. Hoạt động vận dụng** |  |
|  | - Gv nhắc nhở Hs và giám sát học sinh học tập, sinh hoạt đúng giờ.  - Gv phân công Hs giám sát việc thực hiện đúng giờ, nhắc việc thực hiện ở lớp theo chế độ trực nhật lớp luân phiên nhau…  - Gv liên hệ với phụ huynh để giúp Hs thực hiện đúng giờ trong học tập và sinh hoạt.  - Hs tự đánh việc thực hiện đúng giờ trong phiếu nhắc việc. | - HS theo dõi, ghi nhớ |
|  | **5. Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  - Em rút ra được bài học gì, sau bài học này?  - GV yêu cầu đọc lời khuyên (SGK) | - HS trả lời |

**IV/ ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**MÔN: THỂ DỤC**

**Bài: Ôn đội hình đội ngũ**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1.Về phẩm chất:** Bài học góp phần bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất cụ thể:

* Tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.
* Tích cực tham gia các trò chơi vận động và có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi.

1. **Về năng lực**:

**2.1. Năng lực chung:**

* Tự chủ và tự học: Tự xem trước các động tác đứng nghiêm, đứng nghỉ , cách tập hợp hàng dọc, dóng hàng, điểm số trong sách giáo khoa. - Giao tiếp và hợp tác: Biết phân công, hợp tác trong nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

**2.2. Năng lực đặc thù:**

* NL chăm sóc SK: Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện.
* NL vận động cơ bản: Biết khẩu lệnh và thực hiện được tư thế đứng nghiêm, đứng nghỉ, tập hợp hàng dọc, dóng hàng, điểm số

Biết quan sát tranh, tự khám phá bài và quan sát động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện. Thực hiện được các động tác đứng nghiêm, đứng

nghỉ , cách tập hợp hàng dọc, dóng hàng, điểm số

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

+ Giáo viên chuẩn bị: Tranh ảnh, trang phụ thể thao, còi phục vụ trò chơi.

+ Học sinh chuẩn bị: Giày thể thao.

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| 5P  25P  5P | 1. **Hoạt động mở đầu:**   **a.Khởi động:** nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học  -Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  -Gv HD học sinh khởi động  Trò chơi “ lộn cầu vồng”  **b.Gioi thiệu bài:**  **2.HĐ hình thành kiến thức mới:**  **a. HĐ 1: Hoạt động 1**  **-**Đứng nghiêm, đứng nghỉ    \***Luyện tập**  Trò chơi “Số chẵn số lẻ”, “ đứng ngồi theo lệnh”.  GV hướng dẫn chơi  Cho HS quan sát tranh GV làm mẫu động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.  Hô khẩu lệnh và thực hiện động tác mẫu   * GV hô - HS tập theo Gv. * Gv quan sát, sửa sai cho HS. * Y,c Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực. * GV cho 2 HS quay   **Hoạt động 2**  **\*Kiến thức**  \*Tập hợp hàng dọc     * **Luyện tập**   **Hoạt động 3**   * **Kiến thức**   \*Dóng hàng dọc    \*Điểm số hàng dọc     * **Luyện Tập**   **3..Củng cố kết nối:**   * Thả lỏng cơ toàn thân. * Nhận xét, đánh giá chung của buổi học.   Hướng dẫn HS Tự ôn ở nhà | Đội hình nhận lớpCán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV.  HS quan sát GV làm mẫu   * Đội hình tập luyện đồng loạt.   ***ĐH tập luyện theo tổ***  Từng tổ lên thi  đua - trình diễn -Chơi theo đội hình hàng ngang  -Thực hiện  -2HS thực hiện  -Thực hiện  -Thực hiện  -Thực hiện  -Chú ý xác định nội dung học tập. |

IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

**Thứ Ba ngày 8 tháng 10 năm 2024**

**Môn âm nhạc: Ôn tập bài hát lý cây xanh**

**GV chuyên dạy**

**Tiếng Việt - Tiết 51, 52 Bài 23: p ph**

(2 tiết)

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

* Nhận biết âm và chữ cái **p, ph;** đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **p, ph.**
* Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có âm **p,** âm **ph.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Nhà dì.*
* Biết viết đúng trên bảng con các chữ **p, ph;** các tiếng **pi a nô, phố** (cổ).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1/ GV: video bài giảng.

2/ HS: sgk, vở, bảng con, thiết bị học trực tuyến.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
|  | **Tiết 1** | |
| **5’** | **1/ Hoạt động mở đầu:**  **1.1. Khởi động:**  **-** Ổn định lớp.  - Cho HS hát.  **1.2. Giới thiệu bài:**  GV giới thiệu**:** âm và chữ cái **p, ph.**   * GV chỉ chữ **p,** phát âm: **p** (pờ). **/** Làm tương tự với **ph** (phờ).   - GV giới thiệu chữ **P** in hoa  **2/ Hoạt động hình thành kiến thức mới.** | HS nói: **pờ.** |
| **20’** | **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) |  |
|  | **Hoạt động 1:** Âm **p** và chữ **p**   * GV chỉ hình cây đàn pi a nô, hỏi: Đây là đàn gì? (Đàn pi a nô). * GV chỉ từ**pi a nô**   - Trong từ **pi a nô,** tiếng nào có âm **p?** (Tiếng **pi). /** Phân tích tiếng **pi. /**  **Hoạt động 2:** Âm **ph** và chữ**ph:**  - Cho HS quan sát tranh . Giới thiệu từ phố cổ.  - Phân tích tiếng phố.  - HD HS đánh vần, đọc trơn.  - GV nêu: Phố cổ là phố có nhiều nhà cổ, xây từ thời xưa. / | - HS nhận biết: **p, i, a, n, ô.** HS (cá nhân, cả lớp): **pi a nô.**  **- HS** (cá nhân, lớp) đánh vần và đọc tiếng, đọc từ: **pờ - i - pi / pi / pi a nô.**  - HS quan sát.  - Phân tích tiêng **phố. /** Đánh vân và đọc tiêng: **phờ - ô - phô - sắc - phố / phố.** |
|  | **3. Hoạt động luyện tập, thực hành:** |  |
|  | **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có âm **p?** Tiếng nào có âm **ph?)**  -. GV chỉ từng từ.  -.GV: Chữ và âm **p** rất ít gặp, chỉ xuất hiện trong một số từ như: pí po, pin.  \* GV chỉ các âm, từ khoá vừa học | HS đọc chữ dưới hình; làm bài trong VBT, nói kết quả.  cả lớp đồng thanh: Tiếng **pa** (nô) có âm **p,** tiếng **phà** có âm **ph,...**  - Cả lớp đánh vần, đọc trơn: pờ-i-pi/a/nờ- ô - nô / pi a nô; phờ - ô - phô - sắc - phố / cờ - ô - cô - hỏi - cổ / phố cổ. |
|  | **Tiết 2** | |
| **20’**  **10’** | **3.2. Tập đọc** (BT 3)   1. GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc: Nhà dì 2. GV đọc mẫu.   Luyện đọc từ ngữ:**dì Nga, pi a nô, đi phố, ghé nhà dì, pha cà phê, phở.**   1. Luyện đọc câu  * GV: Bài đọc có mấy câu? (6 câu). * GV chỉ từng câu cho HS đọc * Thi đọc tiếp nối 2 câu / 4 câu; thi đọc cả bài.   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV cho HS quan sát 4 thẻ từ; chỉ từng cụm từ cho cả lớp đọc. HD HS làm bài.   - GV đưa ra đáp án: a - 2) Nhà dì Nga có pi a nô. b -1) Cả nhà Bi đi phố, ghé nhà dì.   * GV: Ở nhả dì Nga, gia đình Bi còn được thưởng thức đồ ăn, thức uống gì? (Bố mẹ uống cà phê. Bi ăn phở. Bé Li có na).   **3.3. Tập viết** (bảng con - BT 4)   1. GV hướng dẫn, viết mẫu  * Chữ p: cao 4 li; viết 1 nét hất, 1 nét thẳng đứng, 1 nét móc hai đầu. * Chữ **ph:** là chữ ghép từ hai chữ **p** và **h.** Viết **p** trước, **h** sau (từ **p** viết liền mạch sang **h** tạo thành.ph). * Viết **pi a nô:** GV chú ý không đặt gạch nối giữa các tiếng trong những từ mượn đã được Việt hoá (không cần nói với HS điều này). * Viết **phố** (cổ): viết **ph** trước, **ô** sau. Chú ý nối nét **ph** và **ô.** * Cho HS viết bảng * - GV nhận xét | - HS quan sát  - HS nghe.  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS luyện đọc.  - HS đọc.  HS nối ghép các từ ngữ trong VBT. / 1 HS báo cáo kết quả.  - Cả lớp nhắc lại kết quả.  - HS trả lời.  -Hs quan sát  - HS viết: **p, ph** (2 lần). Sau đó viết: **pi a nô, phố** (cổ). |
| **5’** | **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  **-** Cho HS đọc lại bài.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau.  - Nhận xét tiết học. | - HS đọc.  - HS nghe. |

**IV/ ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** **- GV hướng dẫn kĩ quy trình viết**

**TOÁN – Tiết 13 Bài 12. EMÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Củng cố kĩ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10; đọc, viết, so sánhcác số trong phạm vi 10.
* Bước đầu biết tách số (7 gồm 2 và 5, 8 gồm 5 và 3, ...).
* Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.
* Phát triển các NL toán học.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1/ GV:** Các thẻ số từ 0 đến 10; Bộ đồ dùng học Toán. Video bài giảng.

2/ HS: sgk, vở bài tập.

1. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **5’**  **20’**  **5’**  **5’** | **1/ Hoạt động mở đầu.**  **1.1. Khởi động:**  - Ổn định lớp.  - Cho HS hát.  **1.2. Giới thiệu bài.**  Giới thiệu nội dung học.  **2/ Hoạt động luyện tập, thực hành.**  **Bài 1**   * HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì? * HS đặt câu hỏi cho bạn về số lượng người và mỗi loại đồ vật có trong bứctranh. HS đếm và nói số lượng, chẳng hạn: có 8 bạn nhỏ, có 3 bạn đội mũ, có 1 chiếcbánh sinh nhật, có 6 cây nến, ... * HS đặt câu hỏi cho bạn về so sánh số lượng liên quan đến tình huống bức tranh.   **Bài 2.** HS thực hiện theo nhóm hoặc theo cặp:   1. Quan sát hình vẽ, đếm và gọi tên 9 đồ vật trong hình. 2. Lấy từ bộ đồ dùng học tập 7 đồ vật.   **Bài 3.** HS thực hiện các hoạt động sau:   * Đếm số quả bóng, số kẹo, số vòng tay, số ngón tay rồi nêu số thích họp. * Quan sát hình vẽ, nhận xét: “Có 5 quả bóng, 3 quả bóng vằn đỏ, 2 quả bóngvằn xanh”. GV hướng dẫn HS nói: “5 gồm 3 và 2 hoặc 5 gồm 2 và 3”. Thực hiệntương tự với các trường hợp khác.   **Bài 4.**   * HS lấy các thẻ số từ 0 đến 10: a) Tìm các thẻ ghi số bé hơn 5; b) Tìm các thẻghi số lớn hơn 7; c) Lấy ra các thẻ số 6, 3, 7, 2 rồi sắp xếp các thẻ số đó theo thứ tựtừ bé đến lớn. * HS có thể tự đặt các yêu cầu tương tự để thực hành trong nhóm.   **Bài 5**   * Cá nhân HS quan sát tranh, đếm từng loại hình vuông, hình tròn, hình tamgiác, hình chữ nhật trong tranh rồi ghi kết quả vào vở. * HS chia sẻ kết quả với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả: Có tất cả 4 hìnhvuông, 10 hình chữ nhật, 6 hình tam giác và 4 hình tròn.   Lưu ý: HS có thể sử dụng ngón tay hoặc các đồ vật trực quan để hồ trợ tìm số lượng mỗi loại hình.  **3/ Hoạt động vận dụng**  **Bài 6**   * Cá nhân HS quan sát tranh, đếm số cánh hoa của mỗi bông hoa. * HS chia sẻ kết quả với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả. * GV giới thiệu cho HS các loại hoa có 3, 4, 5, 6, 8, 10 cánh trong hình vẽ lầnlượt là: hoa duyên linh, hoa mẫu đơn, hoa mai trắng, hoa dừa cạn, hoa ly, hoa bướm. * Liên hệ thực tế với những loại hoa mà em biết. * Khuyến khích HS về nhà quan sát các bông hoa trong tự nhiên, đếm số cánhhoa, tìm hiểu thêm về những bông hoa có 1 cánh, 2 cánh, 3 cánh, ...   **4/ Hoạt động củng cố, nối tiếp:**   * Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? * Để có thể làm tốt các bài trên em nhắn bạn điều gì?   - Nhận xét tiết học. | **-** HS thực hiện.  -HS nghe.  - HS quan sát.  - HS làm bài.  - HS quan sát.  - HS làm bài.  - HS theo dõi.  - HS quan sát, làm bài.  - HS theo dõi.  - HS làm bài.  - HS quan sát, đếm.  - HS trả lời.  - HS quan sát, làm bài.  - HS trả lời.  - HS theo dõi.  - HS trả lời.  - HS nghe. |

**IV/ ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**Tiếng Việt – Tiết 53 TẬP VIẾT**

**ng, ngh,p,ph**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Tô, viết đúng các chữ **ng, ngh, p, ph** và các tiếng **ngà, nghé, pi a nô, phố cổ -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1/ GV: Các chữ mẫu *ng, ngh, p, ph* đặt trong khung chữ.

2/ HS: vở Luyện viết.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5’** | **1/ Hoạt động mở đầu:**  **1.1. Khởi động:**  **-** Ổn định lớp.  - Cho HS hát.  **1.2.Giới thiệu bài:** HS tập tô, tập viết các chữ, tiếng vừa học ở bài 22, 23. |  |
| **30’** | **2/ Hoạt động hình thành kiến thực mới**  **Hoạt động 1: Hướng dẫn viết:** *ng, ngà, ngh, nghé* |  |
|  | 1. Gv cho HS quan sát: *ng, ngà, ngh, nghé,* 2. Tập tô, tập viết: *ng, ngà, ngh, nghé*  * GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:   + Chữ *ng:* là chữ ghép từ hai chữ *n* và *g.* Viết *n* trước, *g* sau.  + Tiếng *ngà:* viết *ng* trước, *a* sau, dấu huyền đặt trên *a;* chú ý nối nét *ng* và *a.*  + Chữ *ngh:* là chữ ghép từ ba chữ *n,g và h.*  + Tiếng *nghé:* viết *ngh* trước, *e* sau, dấu sắc đặt trên e; chú ý nối nét *ngh* và *e.*  **Hoạt động 2: Hướng dẫn viết:** *p, pi a nô, ph, phổ cổ.*  - Gv cho HS quan sát: *p, pi a nô, ph, phổ cổ.*  - Tập tô, tập viết: *p, pi a nô, ph, phổ cổ* (như mục a)   * GV vừa viết mẫu từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:   + Chữ*p:* cao 4 li; gồm nét hất, nét thẳng đứng và nét móc hai đầu. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 2 (trên), viết nét hất, dừng bút ở ĐK 3 (ưên). Từ điểm dừng của nét 1, viết nét thẳng đứng, dừng ở ĐK 3 (dưới). Từ điểm dừng của nét 2, rê bút lên gần ĐK 2 (trên), viết n ét móc hai đầu (chạm ĐK 3), dừng ở ĐK 2 (trên).  + Từ *pi a nô:* gồm 3 tiếng *pi, a, nô.*  + Chữ *ph:* là chữ ghép từ *p* và *h.* Viết *p* trước, viết *h* sau (từ *p* viết liền mạch sang *h* tạo thành *ph).*  + Tiếng *phổ,* viết *ph* trước, *ô* sau, dấu sắc đặt trên *ô.* / Tiếng *cổ:* viết *c* trước, *ô* sau, dấu hỏi trên *ô.* | - Hs đọc   * 1 HS nhìn bảng, đọc các chữ, tiếng; nói cách viết, độ cao các con chữ.   - Hs quan sát   * HS tô, viết các chữ, tiếng trong vở *Luyện viết 1,* tập một.   - Hs quan sát, đọc  - HS theo dõi.   * HS tô, viết các chữ, tiếng trên trong vở *Luyện viết 1,* tập một; hoàn thành phần *Luyện tập thêm.* |
| **5’** | **3/ Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  - Nhận xét, tuyên dương học sinh viết đúng, đẹp.  - Dặn dò HS hoàn thành bài, chuẩn bị bài sau.  - Nhận xét tiết học. | - HS nghe |

**IV/ ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** **- GV hướng dẫn kĩ quy trình viết**

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI – Tiết 9**

**ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\* *Về nhận thức khoa học*: Hệ thống được nội dung đã học về chủ đề gia đình: các thành viên trong gia đình và công việc nhà ; nhà ở và an toàn khi ở nhà.

\* *Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh*: Củng cố kĩ năng quan sát, đặt câu hỏi, trình bày và bảo vệ ý kiến của mình,

\* *Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* Thể hiện được sự quan tâm, chia sẻ công việc nhà giữa các thành viên trong gia đình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1/ GV: Các hình trong SGK.

2/ HS: VBT Tự nhiên và Xã hội lớp 1,

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
|  | **1/ Hoạt động mở đầu:**  **a/ Khởi động:**  - Ổn định lớp.  - Cho HS hát.  **b/ Giới thiệu bài:**  Giới thiệu nội dung học.  **2/ Hoạt động luyện tập thực hành.**  **Em đã học được gì về chủ đề Gia đình?**  **Hoạt động 1**: **Giới thiệu về gia đình và nhà ở của em**  *Bước 1: Làm việc cá nhân*  HS làm câu 1 của Bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Gia đình (VBT).  *Bước 2 Làm việc nhóm 6*  Từng HS giới thiệu với các bạn trong nhóm về gia đình mình theo sơ đồ trang 24 (SGK).  - Các HS khác lắng nghe và có thể hỏi thêm (nếu cần).  *Bước 3: Làm việc cả lớp*  - Mỗi nhóm cử một HS giới thiệu về gia đình mình trước lớp.  - HS khác nhận xét và bình chọn những bạn giới thiệu ấn tượng về gia đình mình. (Gợi ý tiêu chí nhận xét: chia sẻ nhiều thông tin về gia đình, nói rõ ràng, lưu loát và truyền cảm,...)  **Hoạt động 2: Xác định đồ dùng trong mỗi phòng và đồ dùng có thể gây nguy hiểm khi ở nhà**  Bước 1: Làm việc theo cặp  Quan sát hình trang 25 (SGK), trả lời các câu hỏi:  + Những đồ dùng trong hình nên để ở phòng nào cho phù hợp? Vì sao?  + Trong những đồ dùng đó, đồ dùng nào có thể gây đứt tay, chân ; bỏng ; điện giật?  + HS làm câu 2 của Bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Gia đình (VBT).  Bước 2: Làm việc cả lớp  - Đại diện một số cặp lên trình bày kết quả làm việc.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV hỏi thêm:  + Kể thêm tên đồ dùng trong mỗi phòng (phòng khách, phòng ngủ và bếp).  + Kể thêm tên đồ dùng trong nhà có thể gây đứt tay, chân, bỏng, điện giật.  - GV hoàn thiện kết quả trình bày của HS.  **3/ Hoạt động vận dụng:**  **Em thể hiện sự quan tâm, chia sẻ công việc nhà như thế nào?**  ***Hoạt động 3: Xử lí tình huống***  *-* Từng cá nhân quan sát tình huống 1 ở trang 25 (SGK), nêu cách xử lí  - Gọi HS trả lời  - HS khác, GV nhận xét, hoàn thiện cách xử lý tình huống  \* ĐÁNH GIÁ Tự đánh giá việc học tập và vận dụng chủ đề Gia đình  - HS làm câu 3 của Bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Gia đình (VBT)  **4/ Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  **-** Dặn dò HS chuẩn bị bài sau.  - Nhận xét tiết học. | - HS thực hiện.  - HS hát.  - HS nghe.  - HS làm bài  - HS thực hiện.  - HS trình bày.  - HS nghe.  - HS quan sát, trả lời.  - HS trả lời.  - HS nêu.  - HS trả lời.  - HS nghe.  - HS quan sát  - HS trả lời.  - HS nghe.  - HS thực hiện.  - HS nghe. |

**IV/ ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**HĐTN – Tiết 14 HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ**

**AI CŨNG CÓ ĐIỂM ĐÁNG YÊU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Mô tả được đặc điểm bên ngoài và bước đầu nêu được đặc điểm tính cách, thói quen của bản thân.

- Nêu được mỗi người đều có những đặc điểm bên ngoài và các nét tính cáchriêng cần được tôn trọng.

- Yêu quý bản thân và tôn trọng đặc điểm bên ngoài, tính cách, thói quen củangười khác, thể hiện cảm xúc vui vẻ, thân thiện với bạn bè xung quanh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1/ GV: Tranh ảnh/tấm bìa vẽ trang phục.

2/ HS: Giấy A4, màu, bút vẽ. Các bức ảnh của cá nhân HS và gia đình.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
|  | **1/ Hoạt động mở đầu:**  **a/ Khởi động:**  - Ổn định lớp.  - Cho HS hát.  **b/ Giới thiệu bài:**  Giới thiệu nội dung học.  **2/ Hoạt động hình thành kiến thức mới.**  **Hoạt động 1. Giới thiệu về những điểm đáng yêu của em**  - GV Y/C HS giới thiệu cho bạn nghe về một đặc điểm của bản thân mà mình cảm thấy đáng yêu nhất.  - GV cho HS lên chia sẻ trước lớp về những điểm đáng yêu của mình.  \*GV kết luận:  - Ai cũng có những điểm đáng yêu và đáng tự hào: có người đáng yêu về ngoại hình, có người đáng yêu về tính cách, thói quen.  **3/ Hoạt động luyện tập và vận dụng.**  **Hoạt động 2: Nói về những điểm đáng yêu của bạn.**  - GV YC HS nhớ về những đặc điểm bên ngoài và tính cách, thói quen của một ngườibạn mà em yêu quý (có thể trong lớp học hoặc ngoài lớp học của em)theo các gợi ý:  + Bạn của em tên là gì?  + Bạn có đặc điểm như thế nào về ngoại hình, tính cách, thói quen?  + Em yêu quý đặc điểm nào nhất của bạn? Vì sao?  - Chia sẻ trước lớp về người bạn của mình.  *\* Kết luận:*  Mỗi người đều có những đặc điểm bên ngoài: hình dáng, nét mặt, cử chỉ riêng, không giống với người khác. Chúng ta cần yêu quý bản thân và tôn trọng sự khác biệt đó.  **4/ Hoạt động củng cố, nối tiếp**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với người thân về những điểm nổi trội, đáng của bản thân. | - HS thực hiện.  - HS hát.  - HS nghe.  - HS thực hiện  - HS thực hiện.  - HS nghe.  - HS theo dõi.  - HS thực hiện.  - HS nghe.  - HS nghe. |

**IV/ ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Thứ Tư ngày 9 tháng 10 năm 2024**

**TIẾNG VIỆT – Tiết 54, 55 Bài 24**

**qu r**(2 tiết)

**I/ YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

\* GDĐP: Chủ đề 5: Sản vật Phú Yên. Biết kể tên một số sản vật gắn liền với địa phương, nêu được các món ăn làm từ một số sản vật. Biết tự hào và quý trọng các sản vật quê hương.

* Nhận biết các chữ **qu, r;** đánh vần, đọc đúng tiếng có **qu, r.**
* Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có **qu, r.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Quà quê.*
* Biết viết các chữ, tiếng (trên bảng con): **qu, r, quả** (lê), **rổ** (cá).

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1/ GV: video bài dạy.

2/ HS: sgk, vở, bảng con, thiết bị học trực tuyến.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
|  | **Tiết 1** | |
| **5’** | **1/ Hoạt động mở đầu:**  **1.1. Khởi động:**  **-** Ổn định lớp.  - Cho HS hát.  **1.2. Giới thiệu bài:** âm và chữ **qu, r.**   * GV chỉ chữ **qu,** nói: **qu** (quờ. / Làm tương tự với **r** (rờ). * GV giới thiệu chữ **Q, R** in hoa.   **2/ Hoạt động hình thành kiến thức mới.** | - HS: (quờ) |
| **20’** | **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) |  |
|  | **Hoạt động 1:** Âm **qu** và chữ **qu**  - Gv cho học sinh quan sát hình quả lê.  - GV: Lê là loại quả rất thơm và ngọt.  - Phân tích tiếng quả.  - HD HS đánh vần, đọc trơn  **Hoạt động 2**: Âm **r** và chữ **r:**  **-** GV giới thiệu r.  - Phân tích tiếng rổ.  - HDHS đánh vần, đọc trơn rổ  - GV chỉ các âm, từ khoá vừa học. | HS nhìn hình, nói: quả lê.   * HS: Trong từ **quả lê,** tiếng **quả** có âm **quờ. /** HS (cá nhân, cả lớp) đọc: **quả.** * Phân tích tiếng **quả:** gồm âm **qu** (quờ) và âm **a,** dấu hỏi đặt trên **a.** * HS nhìn mô hình, đánh vần và đọc tiếng: **quờ - a - qua - hỏi - quả / quả.**   - HS nói: rổ cá. Tiếng **rổ** có âm **r** (rờ). / Phân tích tiếng **rổ. /** Đánh vần và đọc tiếng: **rờ - ô - rô - hỏi - rổ / rổ.**  - Cả lớp đảnh vần, đọc trơn: quờ - a - qua - hỏi - quả / quả lê. // rờ - ô - rô - hỏi - rổ / rổ cá. |
| **10’** | **3/ Hoạt động luyện tập, thực hành:** |  |
| **20’** | **3.1/ Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có âm **qu?** Tiếng nào có âm **r?)**  **-** Cho HS quan sát tranh, đọc các từ dưới mỗi tranh.   * GV HD học sinh làm. * Gọi HS trả lời.   - GV chỉ từng chĩr, cả lớp: Tiếng (cá) **quả** có âm **qu.** Tiếng **rá** có âm **r,...**  **TIẾT 2**  **3.2. Tập đọc** (BT 3)   1. GV giới thiệu: Bài đọc kể về những món quà quê. Quà quê là thứ quà do người nông dân tự tay nuôi, trồng, làm ra để ăn, để biếu, cho, tặng người thân. Đó là những món quà giản dị, quen thuộc nhưng bây giờ luôn là những món quà quý vì ngon, lạ và sạch sẽ, an toàn. 2. GV đọc mẫu. Sau đó, GV chỉ hình mình hoạ, giới thiệu *cá rồ* (còn gọi là cá rô đồng), *cá quả -* là những loài cá rất quen thuộc với người Việt Nam. *Gà ri:* loại gà nhỏ, chân nhỏ, thấp, thịt rất thơm ngon. 3. Luyện đọc từ ngữ: **quà quê, Quế, rổ khế, rổ mơ, cá rô, cá quả.** | - HS quan sát, đọc.  - HS làm bài.  - HS trả lời,  - Cả lớp đọc.  - Hs lắng nghe.  - Hs nghe, luyện đọc  - HS đọc. |
| 10’ | 1. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 4 câu. * GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng * Đọc tiếp nối từng câu. * GV sửa lỗi phát âm cho HS.  1. Thi đọc từng đoạn, cả bài.   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV nêu YC. * GV nêu lại câu hỏi, cả lớp đồng thanh trả lời.   \* GDĐP:  - Kể tên một số sản vật gắn liền với địa phương em.  - Nêu các món ăn làm từ một số sản vật đó.  - GV nhận xét, GDHS  \* Cả lớp đọc lại nội dung 2 trang sách của bài 24.  **3.3. Tập viết** (bảng con - BT 4)  GV vừa viết chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn   * Chữ qu: là chữ ghép từ q và u. Viết q: cao 4 li, 1 nét cong kín, 1 nét thẳng đứng. Viết u: 1 nét hất, 2 nét móc ngược. * Chữ r: cao hơn 2 li một chút; là kết họp của 3 nét cơ bản: 1 nét thắng xiên, 1 nét thắt (tạo thành vòng xoắn), 1 nét móc hai đầu (đầu trái cao lên, nối liền nét thắt). * Tiếng **quả:** viết **qu** trước, **a** sau, dấu hỏi đặt trên **a. /** Tiếng **lê:** viết **1** trước, **ê** sau. * Tiếng **rổ:** viết **r** trước, **ô** sau, dấu hỏi đặt trên **ô. /** Tiếng **cá:** viết **c** trước, **a** sau, dấu sắc đặt trên a. * YC HS viết | - 1 HS, cả lớp.  - Cá nhân, từng cặp.  - HS đọc.   * HS quan sát tranh để trả lời câu hỏi. * 1 HS nhìn hình trả lời   *.*  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS nghe.  - HS quan sát  HS viết: **qu, r** (2 lần). / Viết: **quả** (lê), **rổ** (cá). |
| **5’** | **4/ Hoạt động củng cố, nối tiếp:**  - GV nhắc HS kể cho người thân nghe tên các thứ quà quê các em vừa học.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau.  - Nhận xét tiết học. | - HS nghe. |

**IV/ ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**TOÁN – Tiết 14 Bài 12. EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

* Củng cố kĩ năng đếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10; đọc, viết, so sánhcác số trong phạm vi 10.
* Bước đầu biết tách số (7 gồm 2 và 5, 8 gồm 5 và 3, ...).
* Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật.
* Phát triển các NL toán học.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1/ GV:** Các thẻ số từ 0 đến 10; Bộ đồ dùng học Toán. Video bài giảng.

2/ HS: sgk, vở bài tập.

1. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **5’**  **20’**  **5’**  **5’** | **1/ Hoạt động mở đầu.**  **1.1. Khởi động:**  - Ổn định lớp.  - Cho HS hát.  **1.2. Giới thiệu bài.**  Giới thiệu nội dung học.  **2/ Hoạt động luyện tập, thực hành.**  **Bài 1**   * HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì? * HS đặt câu hỏi cho bạn về số lượng người và mỗi loại đồ vật có trong bứctranh. HS đếm và nói số lượng, chẳng hạn: có 8 bạn nhỏ, có 3 bạn đội mũ, có 1 chiếcbánh sinh nhật, có 6 cây nến, ... * HS đặt câu hỏi cho bạn về so sánh số lượng liên quan đến tình huống bức tranh.   **Bài 2.** HS thực hiện theo nhóm hoặc theo cặp:   1. Quan sát hình vẽ, đếm và gọi tên 9 đồ vật trong hình. 2. Lấy từ bộ đồ dùng học tập 7 đồ vật.   **Bài 3.** HS thực hiện các hoạt động sau:   * Đếm số quả bóng, số kẹo, số vòng tay, số ngón tay rồi nêu số thích họp. * Quan sát hình vẽ, nhận xét: “Có 5 quả bóng, 3 quả bóng vằn đỏ, 2 quả bóngvằn xanh”. GV hướng dẫn HS nói: “5 gồm 3 và 2 hoặc 5 gồm 2 và 3”. Thực hiệntương tự với các trường hợp khác.   **Bài 4.**   * HS lấy các thẻ số từ 0 đến 10: a) Tìm các thẻ ghi số bé hơn 5; b) Tìm các thẻghi số lớn hơn 7; c) Lấy ra các thẻ số 6, 3, 7, 2 rồi sắp xếp các thẻ số đó theo thứ tựtừ bé đến lớn. * HS có thể tự đặt các yêu cầu tương tự để thực hành trong nhóm.   **Bài 5**   * Cá nhân HS quan sát tranh, đếm từng loại hình vuông, hình tròn, hình tamgiác, hình chữ nhật trong tranh rồi ghi kết quả vào vở. * HS chia sẻ kết quả với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả: Có tất cả 4 hìnhvuông, 10 hình chữ nhật, 6 hình tam giác và 4 hình tròn.   Lưu ý: HS có thể sử dụng ngón tay hoặc các đồ vật trực quan để hồ trợ tìm số lượng mỗi loại hình.  **3/ Hoạt động vận dụng**  **Bài 6**   * Cá nhân HS quan sát tranh, đếm số cánh hoa của mỗi bông hoa. * HS chia sẻ kết quả với bạn, cùng nhau kiểm tra kết quả. * GV giới thiệu cho HS các loại hoa có 3, 4, 5, 6, 8, 10 cánh trong hình vẽ lầnlượt là: hoa duyên linh, hoa mẫu đơn, hoa mai trắng, hoa dừa cạn, hoa ly, hoa bướm. * Liên hệ thực tế với những loại hoa mà em biết. * Khuyến khích HS về nhà quan sát các bông hoa trong tự nhiên, đếm số cánhhoa, tìm hiểu thêm về những bông hoa có 1 cánh, 2 cánh, 3 cánh, ...   **4/ Hoạt động củng cố, nối tiếp:**   * Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? * Để có thể làm tốt các bài trên em nhắn bạn điều gì?   - Nhận xét tiết học. | **-** HS thực hiện.  -HS nghe.  - HS quan sát.  - HS làm bài.  - HS quan sát.  - HS làm bài.  - HS theo dõi.  - HS quan sát, làm bài.  - HS theo dõi.  - HS làm bài.  - HS quan sát, đếm.  - HS trả lời.  - HS quan sát, làm bài.  - HS trả lời.  - HS theo dõi.  - HS trả lời.  - HS nghe. |

**IV/ ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI – Tiết 10**

**ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

\* *Về nhận thức khoa học*: Hệ thống được nội dung đã học về chủ đề gia đình: các thành viên trong gia đình và công việc nhà ; nhà ở và an toàn khi ở nhà.

\* *Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh*: Củng cố kĩ năng quan sát, đặt câu hỏi, trình bày và bảo vệ ý kiến của mình,

\* *Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* Thể hiện được sự quan tâm, chia sẻ công việc nhà giữa các thành viên trong gia đình.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1/ GV: Các hình trong SGK.

2/ HS: VBT Tự nhiên và Xã hội lớp 1,

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
|  | **1/ Hoạt động mở đầu:**  **a/ Khởi động:**  - Ổn định lớp.  - Cho HS hát.  **b/ Giới thiệu bài:**  Giới thiệu nội dung học.  **2/ Hoạt động luyện tập thực hành.**  **Em đã học được gì về chủ đề Gia đình?**  **Hoạt động 1**: **Giới thiệu về gia đình và nhà ở của em**  *Bước 1: Làm việc cá nhân*  HS làm câu 1 của Bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Gia đình (VBT).  *Bước 2 Làm việc nhóm 6*  Từng HS giới thiệu với các bạn trong nhóm về gia đình mình theo sơ đồ trang 24 (SGK).  - Các HS khác lắng nghe và có thể hỏi thêm (nếu cần).  *Bước 3: Làm việc cả lớp*  - Mỗi nhóm cử một HS giới thiệu về gia đình mình trước lớp.  - HS khác nhận xét và bình chọn những bạn giới thiệu ấn tượng về gia đình mình. (Gợi ý tiêu chí nhận xét: chia sẻ nhiều thông tin về gia đình, nói rõ ràng, lưu loát và truyền cảm,...)  **Hoạt động 2: Xác định đồ dùng trong mỗi phòng và đồ dùng có thể gây nguy hiểm khi ở nhà**  Bước 1: Làm việc theo cặp  Quan sát hình trang 25 (SGK), trả lời các câu hỏi:  + Những đồ dùng trong hình nên để ở phòng nào cho phù hợp? Vì sao?  + Trong những đồ dùng đó, đồ dùng nào có thể gây đứt tay, chân ; bỏng ; điện giật?  + HS làm câu 2 của Bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Gia đình (VBT).  Bước 2: Làm việc cả lớp  - Đại diện một số cặp lên trình bày kết quả làm việc.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV hỏi thêm:  + Kể thêm tên đồ dùng trong mỗi phòng (phòng khách, phòng ngủ và bếp).  + Kể thêm tên đồ dùng trong nhà có thể gây đứt tay, chân, bỏng, điện giật.  - GV hoàn thiện kết quả trình bày của HS.  **3/ Hoạt động vận dụng:**  **Em thể hiện sự quan tâm, chia sẻ công việc nhà như thế nào?**  ***Hoạt động 3: Xử lí tình huống***  *-* Từng cá nhân quan sát tình huống 1 ở trang 25 (SGK), nêu cách xử lí  - Gọi HS trả lời  - HS khác, GV nhận xét, hoàn thiện cách xử lý tình huống  \* ĐÁNH GIÁ Tự đánh giá việc học tập và vận dụng chủ đề Gia đình  - HS làm câu 3 của Bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Gia đình (VBT)  **4/ Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  **-** Dặn dò HS chuẩn bị bài sau.  - Nhận xét tiết học. | - HS thực hiện.  - HS hát.  - HS nghe.  - HS làm bài  - HS thực hiện.  - HS trình bày.  - HS nghe.  - HS quan sát, trả lời.  - HS trả lời.  - HS nêu.  - HS trả lời.  - HS nghe.  - HS quan sát  - HS trả lời.  - HS nghe.  - HS thực hiện.  - HS nghe. |

**IV/ ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**Thứ Năm ngày 10 tháng 10 năm 2024**

**Môn MĨ Thuật: Chơi với chấm**

**GV chuyên dạy**

**TIẾNG VIỆT – Tiết 56, 67 Bài 25 s x**

(2 tiết)

1. **YÊU CẦU CÀN ĐẠT:**

\*Lồng ghép: GDĐP Chủ đề 7: Nghề truyền thống ở Phú Yên (tiết 56)

* Nhận biết các âm và chữ s, x; đánh vần, đọc đúng tiếng có s, x.
* Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có âm s, âm x.
* Đọc đúng bài Tập đọc *sẻ, quạ.*
* Biết viết trên bảng con các chữ, tiếng: **s, x, sẻ, xe** (ca).

**\* ATGT:Bài:1 Đường em tới trường**

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1/ GV: Video bài giảng.

2/ HS: sgk, vở, bảng con.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
|  | **Tiết 1** | |
| **5** | **1/ Hoạt động mở đầu:**  **1.1. Khởi động**  - Ổn định lớp.  - Cho HS hát.  **1.2. Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học.   * GV chỉ chữ **s,** phát âm: **s** (sờ). * / Làm tương tự với **x** (xờ).   GV giới thiệu chữ **S, X** in hoa.  **2/ Hoạt động luyện tập, thực hành.** | 2 HS đọc bài *Quà quê* |
| **20** | **\* Chia sẻ và khám phá (BT 1:** Làm quen) |  |
|  | **Hoạt động 1:** Âm **s** và chữ **s:**  **- Cho** HS nhìn hình, nói: Chim sẻ. / Đọc: **sẻ. /** Phân tích tiếng **sẻ. /** Đánh vần và đọc tiếng: **sờ - e - se - hỏi - sẻ / sẻ.**  **Hoạt động 2:** Âm **x,** chữ **x:**  **-** HS: xe ca. / Phân tích tiếng **xe. /** Đánh vần và đọc tiếng: **xờ - e - xe /xe.**  \* Củng cố: HS nói 2 chữ vừa học **(s, x);** 2 tiếng vừa học **(sẻ, xe).**  \*ATGT:Nhận biết và phòng, tránh một số nguy hiểm có thể xảy ra trên con đường từ nhà đến trường. (Liên hệ) | - HS nhìn hình, nói: Chim sẻ. / Đọc: **sẻ. /** Phân tích tiếng **sẻ. /** Đánh vần và đọc tiếng: **sờ - e - se - hỏi - sẻ / sẻ.**  - HS đọc: xe ca.  - HS gắn lên bảng cài: **s, x.** |
| **10** | **3/ Hoạt động luyện tập** |  |
| **20** | **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có âm **s?** Tiếng nào có âm **x?)**   * Thực hiện như những bài trước. Cuối cùng, GV chỉ từng chữ (in đậm), cả lớp đồng thanh: Tiếng **sổ** có âm **s.** Tiếng **xô** có âm **x,...**   **TIẾT 2**  **3.2. Tập đọc** (BT 3)   1. Giới thiệu bài đọc: GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc kể về một chú sẻ con rất sợ hãi khi nghe tiếng quạ kêu. Các em cùng đọc để biết sẻ và quạ khác nhau thế nào và vì sao nghe quạ la thì không nên sợ. 2. GV đọc mẫu: rõ ràng, chậm rãi; vừa đọc vừa chỉ hình. 3. Luyện đọc từ ngữ: **nhà sẻ, sẻ bé, ca “ri... ri...”, phía xa, nhà quạ, quạ la “quà... quà...”, sợ quá, dỗ.** | - HS nói 3-4 tiếng ngoài bài có âm **s** (sợ, sắc, sâu, sao, sen,...); có âm **x** (xa, xé, xanh, xấu,...).  - HS nghe  - HS nghe.  - Hs luyện đọc |
| 10 | 1. Luyện đọc từng lời dưới tranh  * GV: Bài có 6 tranh. Dưới mỗi tranh 1, 2, 3, 4, 5 có 1 câu. Tranh 6 có 4 câu. * GV chỉ từng lời cho HS đọc vỡ. Đọc liền 3 câu cuối (ở tranh 6). * Đọc tiếp nối từng lời dưới tranh (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (mồi đoạn 2 tranh); thi đọc cả bài (từng cặp, tổ). Cuối cùng, 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc đồng thanh.   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV nêu YC; chỉ hình, mời 1 HS nói kết quả: 1) sẻ ca “ri... ri...”. 2) Quạ la —quà... quà...”. /. * GV: Thấy sẻ con sợ hãi khi nghe quạ la, sẻ bố nói với con: sẻ thì ca —ri... ri...”. Quạ thì la —quà... quà...”, không có gì phải sợ. Qua câu chuyện, các em hiểu điều gì? (Mỗi loài có tiếng nói riêng, sẻ không phải sợ tiếng kêu của quạ. / Mỗi loài có tiếng kêu, tiếng hót riêng. / Mỗi loài có đặc điểm riêng).   \* Cả lớp đọc lại bài 25; đọc cả 8 chữ vừa học trong tuần, dưới chân trang 48.  **3.3. Tập viết** (bảng con - BT 4)   1. HS đọc các chữ, tiếng vừa học trên bảng. 2. GV vừa viết (hoặc tô) chữ mẫu trên bảng lớp vừa hướng dẫn  * Chữ s: cao hon 2 li một chút; là kết hợp của 3 nét cơ bản: 1 nét thẳng xiên, 1 nét thắt (tạo thành vòng xoắn), 1 nét cong phải. * Chữ x: cao 2 li; viết 1 nét cong phải, 1 nét cong trái cân đối với nét cong phải. Hai nét cong chạm lưng vào nhau, tạo ra hai phần đối xứng. * Tiếng **sẻ:** viết **s** trước, **e** sau, dấu hỏi đặt trên **e;** chú ý viết **s** gần **e.** * Tiếng **xe:** viết chữ **x** trước, chữ **e** sau. Tương tự với tiếng **ca.**  1. YC HS viết. | - Hs đọc  - Hs thực hiện  - Hs nêu kết quả.  Cả lớp nhắc lại.  - Hs thực hiện  HS đọc các chữ, tiếng vừa học trên bảng(s,x, nhà xẻ,xẻ bé)   1. HS viết: **s, x** (2 - 3 lần). Sau đó viết: **sẻ, xe** (ca). |
| **5** | **4/ Hoạt động củng cố, nối tiếp:**  **-** GV nhắc HS kể cho người thân nghe câu chuyện *Sẻ, quạ.*  - Nhận xét tiết học. | - HS nghe. |

**IV/ ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** **- quà quà(thay quạ quạ )**

**TIẾNG VIỆT – Tiết 58 TẬP VIẾT**

**qu, r, s, x**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Tô, viết đúng các chữ **qu, r, s, x,** các tiếng **quả lê, rổ cá, sẻ, xe ca** - chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

1. **ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:**

**1/ GV:** Các chữ mẫu *qu, r, s, x,* đặt trong khung chữ.

**2/ HS:** vở Luyện viết.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5** | **1/ Hoạt động mở đầu:**  **1.1. Khởi động**  - Ổn định lớp.  - Cho HS hát.  **1.2. Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học.  **2/ Hoạt động luyện tập** |  |
| **25** | **\*** Gv viết trên bảng các chữ, tiếng: *qu, quả lê, r, rổ cá, s, sẻ, x, xe ca.*  **Hoạt động 1:** Tập tô, tập viết: *qu, quả lê, r, rổ cá*   * GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:   + Chữ *q:* viết chữ *q* cao 4 li, gồm 1 nét cong kín, 1 nét thẳng đứng. Cách viết: Đặt bút dưới ĐK 3 (trên) một chút, viết nét cong kín (như chữ o). Từ điểm dừng bút, lia bút lên ĐK 3 (trên) viết nét thẳng đứng, dừng ở ĐK 3 (dưới). Đặt bút trên nét 2 của *q,* gần ĐK 1 rồi viết tiếp *u* (cao 2 li, gồm 1 nét hất, 2 nét móc ngược), để khoảng cách giữa *q* và *u* không xa quá hoặc gần quá.  + Tiếng *quả-.* viết *qu* trước, *a* sau, dấu hỏi đặt trên *a.* / Làm tương tự với *lê.*  + Chữ r: cao hơn 2 li; gồm 3 nét: nét thẳng xiên, nét thắt và nét móc hai đầu. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 1, viết nét thẳng xiên, phía trên nối với nét thắt, tạo vòng xoắn nhỏ (cao hơn ĐK 3 một chút). Đưa bút tiếp sang phải nối liền nét móc hai đầu (đầu móc bên trái cao lên), dừng bút ở ĐK 2.  + Tiếng rổ: viết *r* trước, *ô* sau, dấu hỏi đặt trên *ô.* / Làm tương tự với tiếng *cá.*  **Hoạt động 2:** Tập tô, tập viết: *s, sẻ, x, xe ca* (như mục b)   * GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:   + Chữ s: cao hơn 2 li một chút; gồm 3 nét: nét thẳng xiên, nét thắt và nét cong phải. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 1, viết nét thẳng xiên, phía trên nối với nét thắt, tạo thành vòng xoắn (cao hơn ĐK 3 một chút). Đưa bút viết tiếp nét cong phải, dừng bút ở khoảng giữa ĐK 1 và ĐK 2 (gần nét thẳng xiên).  + Chữ x: cao 2 li; gồm 1 nét cong phải, 1 nét cong trái. Cách viết: Đặt bút dưới ĐK 3 một chút, viết nét cong phải, dừng bút ở khoảng giữa ĐK 1 và ĐK 2. Từ điểm dừng, lia bút sang phải (dưới ĐK 3 một chút), viết tiếp nét cong trái cân đối với nét cong phải. Hai nét cong chạm lưng vào nhau.  + Tiếng *sẻ,* viết *5* trước, *e* sau, dấu hỏi đặt trên *e.*  + Tiếng *xe,* viết *X* trước, *e* sau. | - HS đọc các chữ, tiếng: *qu, quả lê, r, rổ cá, s, sẻ, x, xe ca.*  - 1 HS đọc các chữ, tiếng; nói cách viết, độ cao các con chữ.  Hs quan sát  HS tô, viết: *qu, quả lê, r, rổ cá* trong vở *Luyện viết 1,* tập một  - Hs thực hiện.  - Hs quan sát   * HS thực hành tô, viết. |
| **5** | **3/ Hoạt động củng cố, nối tiếp:**  – Gv tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp.  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành  - Nhận xét tiết học: | - HS nghe. |

**IV/ ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**Thứ Sáu ngày 11 tháng 10 năm 2024**

**TIẾNG VIỆT – Tiết 59 KỂ CHUYỆN**

KIẾN VÀ BỒ CÂU

(1 tiết)

**I/ YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

* Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.
* Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được câu hỏi dưới tranh.
* Nhìn tranh, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.
* Hiểu lời khuyên của câu chuyện: Hãy giúp đỡ nhau lúc hoạn nạn, khó khăn. Mình vì người khác, người khác sẽ vì mình.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1/ GV: video bài giảng

2/ HS: sgk.

**III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TL** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **5** | **1/ Hoạt động mở đầu:**  **1.1. Khởi động**  - Ổn định lớp.  - Cho HS hát.  **1.2. Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học.  **2/ Hoạt động hình thành kiến thức mới:** |  | |
| **25** | **Hoạt động 1: Giới thiệu câu chuyện**  - Hôm nay, các em sẽ được nghe kể câu chuyện *Kiến và bồ câu.* Kiến là con vật thế nào? Bồ câu thế nào? Các em cùng lắng nghe để biết chuyện gì đã xảy ra với kiến và bồ câu | - HS nghe. | |
|  | **Hoạt động 2: Nghe kể chuyện** |  | |
|  | **:** GV kể chuyện **3 lần** |  | |
|  | **Kiến và bồ câu**   1. Hôm ấy, kiến khát nước, tìm xuống suối. Chẳng may, sóng nước trào lên, cuốn kiến đi và suýt dìm chết nó. 2. Bồ câu bay qua nhìn thấy. Nó bèn thả xuống suối một cành lá. Kiến bò lên lá, sóng đưa lá dạt vào bờ. Nhờ vậy kiến thoát chết. Kiến rất biết ơn bồ câu. 3. Mấy ngày sau, bồ câu đậu trên cành cây, không biết rằng có một bác thợ săn đang rình bắn nó. 4. Kiến nhìn thấy bác thợ săn sắp bắn bồ câu, bèn chạy tới, đốt thật mạnh vào chân bác thợ săn. Bác ta giật mình, la to: “ôi! ôi!...”. Bồ câu nghe động, giật mình bay vụt đi.   Theo LÉP TÔN-XTÔI (Minh Hoà kể) | | |
|  | **Hoạt động 3: Trả lời câu hỏi theo tranh**   1. Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh  * GV chỉ tranh 1, hỏi: *Chuyện gì xảy ra khỉ kiến xuống suối uống nước?* * GV chỉ tranh 2, hỏi: *Nhờ đâu kiến thoát chết?*   GV: *Kiến thoát chết, trong lòng nó rất biết ơn ai?* (Kiến rất biết ơn bồ câu).   * GV chỉ tranh 3: *Bác thợ săn làm gì khi nhìn thấy bồ câu?* * GV chỉ tranh 4: *Kiến đã cứu bồ câu như thế nào?*  1. Mồi HS trả lời liền các câu hỏi theo 2 tranh. 2. 1 HS trả lời cả 4 câu hỏi theo 4 tranh.   **Hoạt động 4: Kể chuyện theo tranh** (không dựa vào câu hỏi)   1. Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện: HS 1 chỉ tranh 1 và 2, tự kể chuyện. HS 2 kể chuyện theo tranh 3 và 4. 2. Kể chuyện theo tranh bất kì: 2 - 3 HS bốc thăm kể chuyện theo 1 tranh bất kì. 3. 1 HS tự kể toàn bộ câu chuyện theo 4 tranh.   **Hoạt động 5: Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**   * GV: Qua câu chuyện, các em hiểu điều gì? * GV: Câu chuyện kế về hai bạn kiến và bồ câu đã biết giúp đỡ nhau khi hoạn nạn. Câu chuyện muốn nói: cần giúp đỡ nhau lúc khó khăn, hoạn nạn. Mình vì người khác, người khác sẽ vì mình. * Cả lớp bình chọn HS kể chuyện hay, hiểu ý nghĩa của câu chuyện. | | HS trả lời  - HS trả lời.  - HS trả lời.  -HS kể chuyện theo tranh  - HS trả lời.  - Hs bình chọn |
| **5** | **3/ Hoạt động củng cố, nối tiếp:**  - GV khen những HS kể chuyện hay. Dặn HS về nhà kể lại cho người thân nghe câu chuyện kiến và bồ câu đã giúp đỡ nhau thế nào.  - Nhắc HS xem tranh, chuẩn bị cho tiết KC Dê con nghe lời mẹ tuần tới.  - Nhận xét tiết học. | | - HS nghe. |

**IV/ ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**TIẾNG VIỆT – Tiết 60 Bài 27 ÔN TẬP**

(1 tiết)

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Đọc đúng bài tập đọc *Ở nhà bà.*
* Điền đúng chữ **ng** hay **ngh** vào chỗ trống.
* Tập chép đúng chính tả câu văn (chữ cỡ nhỡ).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1/ Gv:** video bài giảng.

**2/ HS:***Vở bài tập Tiếng Việt 1,* tập một.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5’**  **25** | **1/ Hoạt động mở đầu:**  **1.1. Khởi động**  - Ổn định lớp.  - Cho HS hát.  **1.2. Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học.  **2/ Hoạt động luyện tập, thực hành.** |  |
|  | **Hoạt động 1:** BT 1 (Tập đọc)   1. GV chỉ tranh, giới thiệu: Bài *Ở nhà bà* kể về suy nghĩ của Bi khi nghỉ hè ở nhà bà. (Chỉ hình Bi đứng bên cửa sổ nhà bà ở quê, nghĩ về cảnh gia đình đầm ấm có cả bà, cả bố mẹ và bé Li). 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **quê, nghỉ hè, nhà bà, xa nhà, giá, ra phố, đỡ nhớ.** 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 4 câu. * GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm rồi đọc thành tiếng (1 HS, cả lớp).   GV nhắc HS: Câu 4 dài, cần nghỉ hơi đúng sau các dấu phẩy.   1. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn 2 câu); thi đọc cả bài. (Quy trình như các bài trước). g) Tìm hiểu bài đọc   GV: Qua bài đọc, em hiểu điều gì? BT 2 (Em chọn chữ nào: **ng** hay **ngh?)**  - GV viết bảng các chữ cần điền; nêu YC; giới thiệu mẫu: (mèo) **ngó.**   * HS làm bài trên VBT.   (Chữa bài)**.** GV chốt lại đáp án. Cả lớp đọc lại kết quả. Sửa bài (nếu làm sai).  **Hoạt động 2:** BT 3 (Tập chép)  - GV giới thiệu bài tập chính tả mới: bài tập chép.  - Nêu YC, mời cả lớp nhìn bảng đọc to, rõ câu văn cần chép.  - Cho HS đọc thầm câu vãn, chú ý những từ các em dễ viết sai (VD: *phố, nhớ, quê).*  - YC HS nhìn mẫu, chép câu văn vào vở hoặc VBT - cỡ chữ vừa.  - GV chữa bài cho HS, nhận xét chung. | - Hs theo dõi, quan sát  - HS nghe  - Hs luyện đọc  - Hs thực hiện  Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  - Hs thực hiện  HS phát biếu. GV: Bi rất yêu bà, yêu bố mẹ. Bi muốn sống cùng cả bà, cả bố mẹ, gia đình luôn bên nhau.   * 1 HS nhắc lại quy tắc chính tả **ng / ngh.**   - HS nghe.  - HS đọc.    - HS thực hiện  - HS viết.  - HS nghe. |
| 5’ | 3/**Hoạt động củng cố, nối tiếp.**  - Cho HS đọc lại bài tập đọc.  - Dặn dò HS đọc bài, chuẩn bị bài sau.  - Nhận xét tiết học | - HS đọc  - HS nghe |

**IV/ ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**TOÁN – Tiết 15 Bài 13. EM VUI HỌC TOÁN**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

* Nghe hát, vận động theo nhịp và chơi trò chơi, thông qua đó củng cố kĩ năngđếm, nhận biết số lượng trong phạm vi 10.
* Làm các số em thích bằng các vật liệu địa phương, biểu diễn các số bằngnhiều cách khác nhau.
* Củng cố kĩ năng nhận dạng hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữnhật gắn với các biển báo giao thông.
* Phát triển các NL toán học.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1/ GV: Video bài giảng.

2/ HS: Bút màu, giấy vẽ, vở

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| 5’  20’  10’  5’ | 1/ **Hoạt động mở đầu**  **1.1. Khởi động.**  - Ổn định lớp.  - Cho HS hát.  2.2 **Giới thiệu bài.**  Giới viên giới thiệu nội dung học.  **2/ Hoạt động luyện tập, thực hành.**  **Hoạt động 1. Nghe hát, vận động theo nhịp và giơ ngón tay đúng số lượng**   1. HS nghe và vận động theo nhịp của bài hát “Em tập đếm”. HS giơ các ngóntay theo các số có trong lời bài hát. 2. HS thực hiện đọc số, giơ ngón tay đúng số lượng của số vừa đọcvà ngược lại. Khi giơ một số ngón tay, GV yêu cầu HS phải nói đúng số lượng ngóntay vừa giơ.   **Hoạt động 2. Tạo thành các số em thích**  HS thực hiện theo cá nhân:   * Làm các số đã học (từ 0 đến 10) bằng các vật liệu khác nhau đã chuẩn bịtrước. Chẳng hạn ghép số bằng các viên sỏi, nặn số bằng đất nặn hoặc dùng dâythừng để tạo số, ... * Khuyến khích HS sáng tạo theo cách của các em. * Trưng bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng.   **Hoạt động 3. Thể hiện số bằng nhiều cách**  HS thực hiện theo cá nhân:   * Thê hiện các số đã học bằng nhiều cách: viết, vẽ, tô màu, ... * Khuyến khích HS sáng tạo theo cách của các em. * Trưng bày các sản phẩm của nhóm, cử đại diện trình bày ý tưởng.   3/ **Hoạt động vận dụng**  **Hoạt động 4. Tìm hiểu biển báo giao thông**   * Nêu hình dạng của các biển báo giao thông trong hình vẽ. * GV giới thiệu choHS: Trong hình vẽ, thứ tự từ trái qua phải là các biển báo: đường dành cho ô tô,đường dành cho người tàn tật, đường dành cho người đi bộ cắt ngang và đường cấmđi ngược chiều. * Chia sẻ hiểu biết về các biến báo giao thông. Nhận ra biến cấm thường cómàu đỏ.   **4/ Hoạt động củng cố, nối tiếp:**   * HS nói cảm xúc sau giờ học. * HSnói về hoạt động thích nhất trong giờ học.   HS nói về hoạt động nào còn lúng túng, nếu làm lại sẽ làm gì.  - Nhận xét tiết học. | - HS thực hiện.  - HS nghe.  - HS nghe, thực hiện.  - HS thực hiện.  - HS thực hiện.  - HS thực hiện.  - HS trả lời.  - HS theo dõi.  - HS nêu.  - HS nêu.  - HS nghe. |

**IV/ ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**MÔN: THỂ DỤC**

**Bài 4: ĐỘNG TÁC QUAY TRÁI, QUAY PHẢI, QUAY SAU.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Về phẩm chất:** Bài học góp phần bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất cụ thể:

* Tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.
* Tích cực tham gia các trò chơi vận động và có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi.

1. **Về năng lực**:

**2.1. Năng lực chung:**

* Tự chủ và tự học: Tự xem trước cách thực hiện các động tác quay trái, quay phải, quay sau trong sách giáo khoa.
* Giao tiếp và hợp tác: Biết phân công, hợp tác trong nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

**2.2. Năng lực đặc thù:**

* NL chăm sóc SK: Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện.
* NL vận động cơ bản: Biết khẩu lệnh, cách thực hiện các động tác quay trái, quay phải, quay sau đúng hướng.

Biết quan sát tranh, tự khám phá bài và quan sát động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện. Thực hiện được các động tác quay trái, quay phải, quay sau.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

+ Giáo viên chuẩn bị: Tranh ảnh, trang phụ thể thao, còi phục vụ trò chơi.

+ Học sinh chuẩn bị: Giày thể thao.

1. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

* Phương pháp dạy học chính: Làm mẫu, sử dụng lời nói, tập luyện, trò chơi và thi đấu.
* Hình thức dạy học chính: Tập luyện đồng loạt( tập thể), tập theo nhóm, tập luyện theo cặp đôi.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TG | **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| 5’ | **1. Phần mở đầu**  a. Khởi động:  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,... - Trò chơi “ chuyển bóng  tiếp sức”  **b.Giới thiệu bài:** | Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV. |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **2.Hình thành kiến thức mới**  **a.Hoạt động 1**  **\* Kiến thức.**   * Động tác quay trái      * Động tác quay phải     \***Luyện tập**  Tập đồng loạt  \* Trò chơi “Qua đường lội”,  -GV hướng dẫn trò chơi  **b.Hoạt động 2**  Cho HS quan sát  tranh  Hô khẩu lệnh và thực hiện động tác mẫu  GV làm mẫu động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.   * GV hô * Gv quan sát, sửa sai cho HS. * Y,c Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực * GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ. * GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi. - Cho HS chơi thử và chơi chính thức.   - Nhận xét tuyên dương và sử phạt | * Đội hình HS quan   sát tranh  HS quan sát GV làm mẫu   * Đội hình tập luyện đồng loạt.   Tập theo tổ nhóm  Tập theo cặp đôi  Thi đua giữa các tổ  -hs chú ý tham gia  - HS tập theo Gv. | | |
|  | **Hoạt động 4**  \***Kiến thức**  Ôn quay trái, quay phải.  \***Luyện tập**   * GV hướng dẫn * Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của hs. * VN ôn bài đã học và chuẩn bị bài sau.   **3.Củng cố nối tiếp**   * Thả lỏng cơ toàn thân. \* Nhận xét, đánh giá chung của buổi học.   Hướng dẫn HS Tự ôn ở  nhà  Xuống lớp |  |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: Giáo viên giới thiệu động tác phối hợp với phụ huynh HS để hỗ trợ học sinh nhận biết được nội dung: Động tác quay trái, quay phải.

**HĐTN – Tiết 15 SINH HOẠT LỚP**

**TRÌNH DIỄN TÀI NĂNG CỦA EM**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

\*NGLL: HĐTN: Sinh hoạt chủ điểm: Lễ giao ước thi đua giữa các tổ, cá nhân

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Bước đầu nhận biết và thể hiện được khả năng của mình trước các bạn.

- Vui vẻ, tự tin tham gia và ủng hộ các bạn khác tham gia cuộc thi

\*Lồng ghép: ATGT Bài 2: …….

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1/ GV: Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
|  | **1/ Hoạt động mở đầu:**  **a/ Khởi động:**  - Ổn định lớp.  - Cho HS hát.  **b/ Giới thiệu bài:**  Giới thiệu nội dung học.  **2/ Các bước sinh hoạt:**  **Hoạt động 1: Nhận xét trong tuần**  - GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  **Hoạt động 2: *Phương hướng 6***  - Thực hiện dạy tuần 6, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  ***Hoạt động 3: Trình diễn “Tài năng của em.***  - GV phổ biến chi tiết, cụ thể nội dung kế hoạch, ý nghĩa và mục đích tổ chức tìm kiếm tài năng nhí.  - Tổ chức cho HS chia sẻ và đăng kí trình diễn tài năng của mình.  + Em sẽ đăng kí trình diễn nội dung (tài năng) gì?  +Giới thiệu các bạn có tài năng tham gia trình diễn tài năng.  - GV thành lập Ban Giám khảo tìm kiếm tài năng của lớp.  - Công bố danh sách các HS đăng kí tham gia thi tìm kiếm tài năng nhí của lớp.  - Công bố danh sách Ban giám khảo thi bao gồm GV chủ nhiệm, đại diện Banđại diện cha mẹ HS, đại diện HS của lớp.  - Trên cơ sở danh sách đăng kí của lớp, Ban tổ chức cuộc thi hướng dẫn các HSlên trình diễn tài năng trước lớp.  - Ban giám khảo đánh giá các phần thi của các thí sinh, tổng hợp kết quả và công bố trước lớp.  - Đại diện Ban đại diện cha mẹ HS trao tặng quà cho các HS tham gia cuộc thi“Tìm kiếm tài năng nhí”.  - GV động viên, khen ngợi các HS đã tham gia cuộc thi.  - Nhắc nhở các em tiếp tục luyện tập nâng cao năng khiếu của bản thân.)  **3/ Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. | - HS thực hiện.  - HS hát.  - HS nghe.  - HS nghe.  - HS nghe.  - HS theo dõi.  - HS đăng kí tham gia.  - HS theo dõi.  - HS thực hiện.  - HS nghe.  - HS nghe.  - HS nghe. |

**IV/ ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**